

TƯ PHÁP QUỐC TẾ

TS. LÊ THỊ NAM GIANG

www.giangle.edu.vn

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ MÔN HỌC



Giới thiệu về môn học

1. Mục tiêu môn học
2. Chính sách của môn học
3. Phương pháp giảng dạy



Nội dung môn học

Thời lượng:

Bài 1: TỔNG QUAN VỀ TPQT

Bài 2: CHỦ THỂ CỦA TƯ PHÁP QUỐC TẾ

BÀI 3: XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT

BÀI 4: ÁP DỤNG PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI

Bài 5: THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN QUỐC GIA ĐỐI
VỚI CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YTTN.

Bài 6: CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH BẢN ÁN
QDDS CỦA TANN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TTNN.



Nội dung môn học

BÀI 7: QUYỀN SỞ HỮU TRONG TPQT

BÀI 8: THỪA KẾ TRONG TPQT

BÀI 9: HỢP ĐỒNG TRONG TPQT

BÀI 10: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG
TRONG TPQT

BÀI 11: HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG TPQT



Văn bản pháp luật

1. Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam 2005. Phần VII.
2. Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam 2015. Phần V.
3. Hiệp định tương trợ tư pháp giữa nước CHXHCN Việt Nam và các nhà nước nước ngoài.
4. Bộ luật tố tụng dân sự 2015
5. Luật Hôn nhân và gia đình, 2014

Thuận lợi và khó khăn khi nghiên cứu về TPQT

Chính sách môn học

Thi hết môn

Điểm thưởng

BÀI 1:

TỔNG QUAN VỀ TƯ PHÁP QUỐC TẾ

Bai 1: Tổng quan về tư pháp quốc tế

Đề cương bài giảng

1. Đối tượng điều chỉnh của Tư pháp quốc tế
2. Phương pháp điều chỉnh của Tư pháp quốc tế
3. Nguồn của Tư pháp quốc tế
4. Chủ thể của Tư pháp quốc tế
5. Vị trí của Tư pháp quốc tế





1. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH CỦA TƯ PHÁP QUỐC TẾ

ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

- Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài
 - **Quan hệ dân sự:** Điều 1 BLDS 2015:
“quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm”.

ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

QUAN HỆ DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI – BLDS 2015

- Có ít nhất một trong các bên tham gia là cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài;
- việc xác lập, thay đổi, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ đó xảy ra tại nước ngoài;
 - đối tượng của quan hệ dân sự là tài sản ở nước ngoài.

ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

- Quan hệ tổ tụng dân sự quốc tế

Phạm vi điều chỉnh của TPQT

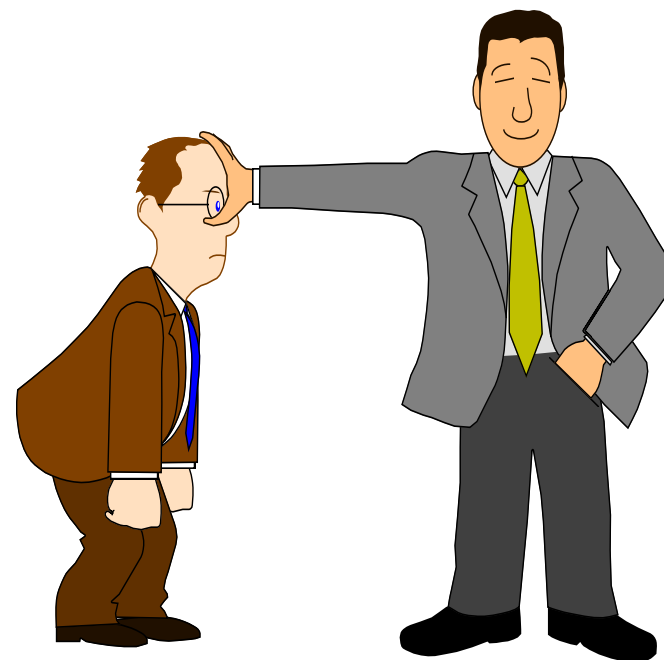
1. Xác định thẩm quyền của TAQG đối với các VVDS có YTNN (giải quyết xung đột thẩm quyền)
2. Xác định pháp luật áp dụng: ĐUQT, PLQG, TQQT (giải quyết XĐPL)
3. Công nhận và cho thi hành BA, QĐTANN, QĐTTNN.



2. Phương pháp điều chỉnh của tư pháp quốc tế

2.1 Phương pháp xung đột (phương pháp điều chỉnh gián tiếp)

Là phương pháp dựa vào quy phạm xung đột, cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành lựa chọn một hệ thống pháp luật thích hợp nhằm điều chỉnh một quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài cụ thể.



2.1 Phương pháp xung đột (phương pháp điều chỉnh gián tiếp)

- **Tại sao gọi là phương pháp điều chỉnh gián tiếp?**
- **Ưu điểm?**
- **Hạn chế?**



2.2 Phương pháp thực chất (phương pháp điều chỉnh trực tiếp)

Là phương pháp sử dụng các quy phạm pháp luật thực chất nhằm điều chỉnh một quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài cụ thể.

2.2 Phương pháp thực chất (phương pháp điều chỉnh trực tiếp)

- **Tại sao gọi là phương pháp điều chỉnh trực tiếp?**
- **Ưu điểm?**
- **Hạn chế?**



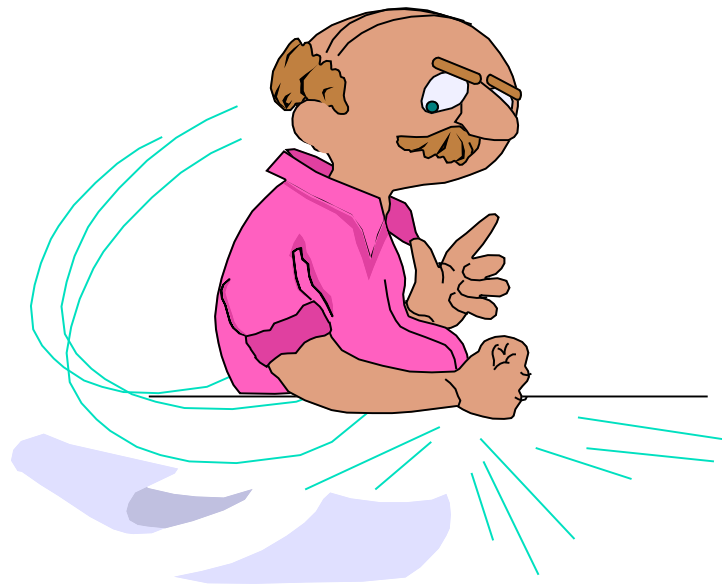


3. NGUỒN CỦA TƯ PHÁP QUỐC TẾ



3. Nguồn của Tư pháp quốc tế

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG



3. Nguồn luật điều chỉnh

1. Luật pháp của mỗi quốc gia
2. Điều ước quốc tế.
3. Tập quán quốc tế.



3.1. Điều ước quốc tế

- Vai trò của Điều ước quốc tế trong việc điều chỉnh quan hệ TPQT (đặc biệt vai trò của các Hiệp định TTTP).
- Các Điều ước quốc tế đa phương và song phương về TPQT
- Mối tương quan hiệu lực pháp lý giữa Điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia.
- Trường hợp áp dụng Điều ước quốc tế và điều kiện áp dụng.

3.1. Điều ước quốc tế

BLDS năm 2015 Điều 665

1. ĐUQT có quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia QHDS có YTNN: áp dụng quy định của ĐUQT.
2. ĐUQT Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Phần này và luật khác về pháp luật áp dụng đối với QHDS có YTNN thì quy định của ĐUQT đó được áp dụng.

3.1. Điều ước quốc tế

BLDS năm 2015 Điều 664

ĐUQT được áp dụng nhằm xác định pháp luật áp dụng đối với QHDS có YTNN

3.2. Pháp luật quốc gia

- Là một trong những nguồn chủ yếu của TPQT.
- Tùy theo quan điểm của mỗi nước:
 - Luật tư pháp quốc tế
 - Trong các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau

3.2. Pháp luật quốc gia

- Trường hợp áp dụng pháp luật quốc gia:
 - quy phạm của TPQT trong các văn bản quy phạm pháp luật của quốc gia sẽ trực tiếp được áp dụng nhằm điều chỉnh các quan hệ TPQT tương ứng
 - quy phạm xung đột dẫn chiếu đến pháp luật quốc gia hoặc các bên tham gia quan hệ đó thỏa thuận lựa chọn áp dụng pháp luật quốc gia.

3.3. Tập quán quốc tế

- **Điều 666. Áp dụng tập quán quốc tế**
- Các bên lựa chọn TQQT, nếu hậu quả của việc áp dụng TQQT đó trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam thì pháp luật Việt Nam được áp dụng.

Lưu ý

Nguyên tắc xác định pháp luật áp dụng: Điều 664 BLDS 2015

1. Pháp luật áp dụng: xác định theo ĐUQT mà Việt Nam là thành viên hoặc luật Việt Nam.
2. Trường hợp ĐUQT mà Việt Nam là thành viên hoặc luật Việt Nam có quy định các bên có quyền lựa chọn: xác định theo lựa chọn của các bên.
3. Trường hợp không xác định được PLAD theo các quy định trên: áp dụng pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất với QHDS có YTNN đó.

Lưu ý

BLDS 2015, Điều 669

Áp dụng pháp luật của nước có nhiều hệ thống pháp luật

Trường hợp pháp luật của nước có nhiều hệ thống pháp luật được dẫn chiếu đến thì pháp luật áp dụng được xác định theo nguyên tắc do pháp luật nước đó quy định.



4. HỆ THỐNG QUY PHẠM CỦA TPQT

Hệ thống quy phạm pháp luật của TPQT

- Quy phạm xung đột
- Quy phạm thực chất
- Quy phạm pháp luật tố tụng

1. Quy phạm pháp luật trong ĐUQT
2. Quy phạm pháp luật trong pháp luật quốc gia



5. Chủ thể của Tư pháp quốc tế

5.1. Khái quát về chủ thể của tư pháp quốc tế

1. Chủ thể nước ngoài
2. Chủ thể trong nước

5.2. Người nước ngoài

1. Khái niệm.
2. Quy chế pháp lý dân sự của người nước ngoài
 - a. Đặc điểm
 - b. Căn cứ xây dựng:
 - Nguyên tắc NT
 - Nguyên tắc MFN
 - Nguyên tắc đã ngộ đặc biệt
 - Nguyên tắc có đi có lại

5.2. Người nước ngoài

3. Quy chế pháp lý của người nước ngoài tại VN **TỰ NGHIÊN CỨU**

5.3. Pháp nhân nước ngoài

1. Khái niệm
2. Quy chế pháp lý
3. Quy chế pháp lý của PNNN tại VN

TỰ NGHIÊN CỨU

5.4. Quốc gia – chủ thể đặc biệt của TPQT

5.4.1. Cơ sở xác định quy chế pháp lý đặc biệt của quốc gia

Cơ sở xây dựng quy chế pháp lý đặc biệt của quốc gia:

- Nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia
- Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các QG

Cơ sở xác định quy chế pháp lý đặc biệt của QG:

- Tập quán quốc tế
- Điều ước quốc tế
- Pháp luật quốc gia

5.4.1. Cơ sở xác định quy chế pháp lý đặc biệt của quốc gia

Quyền miễn trừ tuyệt đối

Quyền miễn trừ tương đối

**Việt Nam nên áp dụng
học thuyết nào?**

5.4.2. Nội dung quy chế pháp lý đặc biệt của quốc gia

Quyền miễn trừ của quốc gia:

- a. Quyền miễn trừ xét xử
- b. Quyền miễn trừ áp dụng các biện pháp đảm bảo
- c. Quyền miễn trừ thi hành án
- d. Quyền miễn trừ về tài sản
- e. Quyền miễn trừ khỏi sự chi phối của PL nước ngoài

5. Vị trí của Tư pháp quốc tế trong hệ thống pháp luật

■ TỰ NGHIÊN CỨU



CẢM ƠN



www.giangle.edu.vn

©, Nam Giang, 2016

Bài 2:
XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT

TS. LÊ THỊ NAM GIANG
www.giangle.edu.vn

Đề cương bài giảng

- 1. Khái quát về xung đột pháp luật**
- 2. Phương pháp giải quyết xung đột pháp luật**
- 3. Quy phạm pháp luật xung đột**
- 4. Một số kiểu hệ thuộc luật cơ bản của Tư pháp quốc tế**



Văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ luật dân sự VN 2005, phần VII.
2. Bộ luật Dân sự Việt Nam 2015, Phần thứ V
3. Nghị định 138/CP ngày 15/11/2006 quy định chi tiết thi hành các quy định của BLDS về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.
4. Luật Hôn nhân và gia đình VN, 2014.
5. Bộ luật Hàng hải VN 2005, Điều 3, Điều 4.



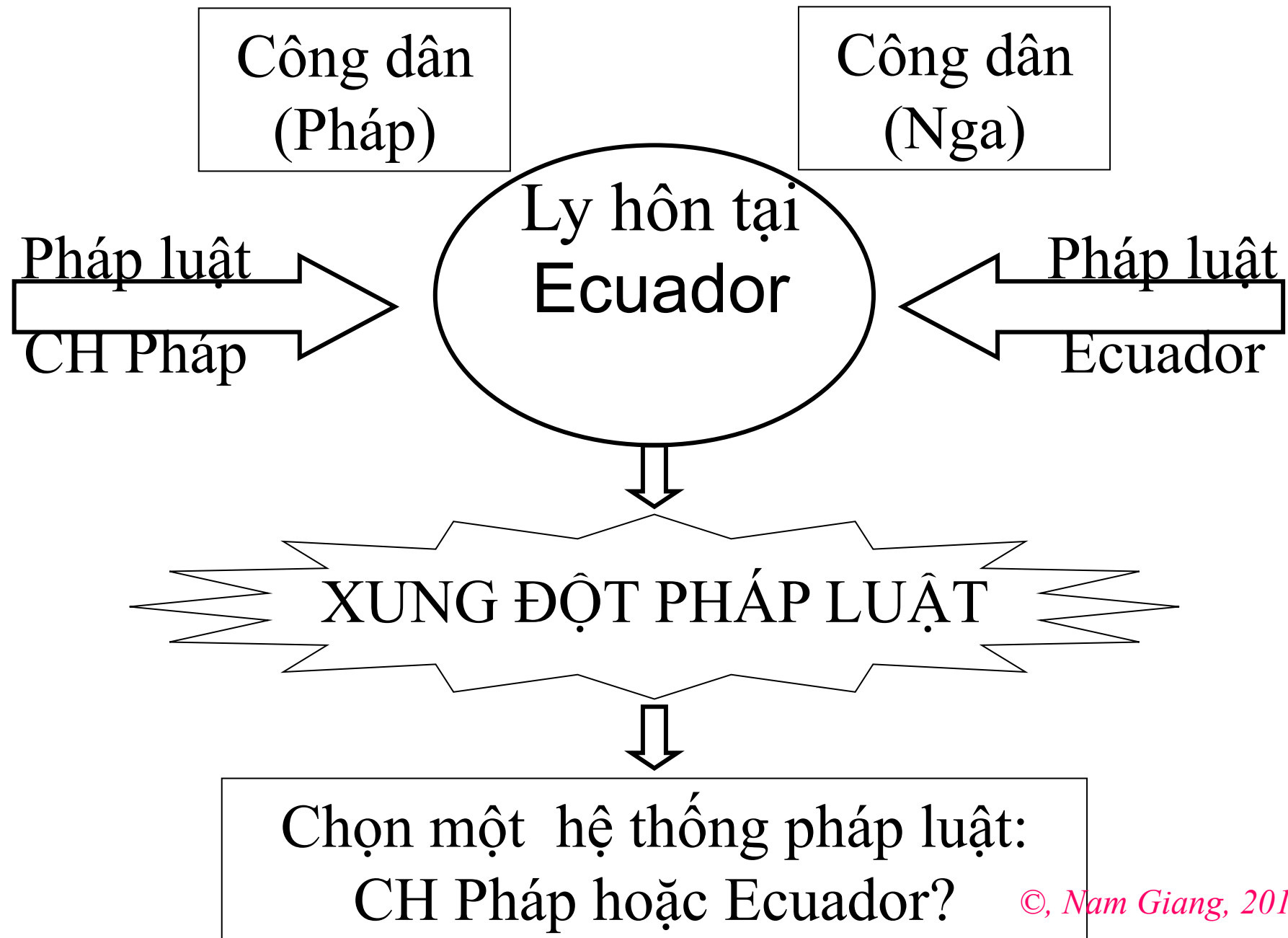
Văn bản quy phạm pháp luật

5. Luật Hàng không dân dụng 2006, Điều 4.
6. Luật Thương mại 2005, Điều 5.
7. Luật Đầu tư 2014.
8. Hiệp định tương trợ tư pháp giữa nước CHXHCN Việt Nam và các nhà nước nước ngoài.



1. Khái quát về xung đột pháp luật

1.1. Khái niệm xung đột pháp luật



1.1. Khái niệm XĐPL

Là hiện tượng pháp luật của hai hay nhiều quốc gia cùng có thể được áp dụng để điều chỉnh một quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài cụ thể.

1.2. Nguyên nhân làm phát sinh hiện tượng XĐPL

Nguyên nhân:

- Xuất phát từ tính chất đặc thù trong điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài
- Có sự khác nhau trong pháp luật các nước khi điều chỉnh một quan hệ dân sự cụ thể.

1.3. Phạm vi của XDPL

- **Trong các ngành luật**
- **Trong các quan hệ của TPQT**
- **Trong hệ thống pháp luật của một quốc gia**

2. Phương pháp giải quyết xung đột pháp luật

- a. Phương pháp xây dựng và áp dụng quy phạm thực chất (Phương pháp thực chất)
- b. Phương pháp xây dựng và áp dụng quy phạm xung đột (Phương pháp xung đột).
- c. Áp dụng nguyên tắc tương tự pháp luật

2. Phương pháp giải quyết xung đột pháp luật

Ưu điểm và hạn chế của mỗi phương pháp

3. Quy phạm pháp luật xung đột

3.1. Khái niệm

- Quy phạm pháp luật xung đột là quy phạm pháp luật xác định hệ thống pháp luật có thể được áp dụng nhằm điều chỉnh quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.
- Đặc điểm

3.2. Cơ cấu

- **Phần phạm vi:** chỉ ra quan hệ xã hội mà quy phạm điều chỉnh.
- **Phần hệ thuộc:** chỉ ra hệ thống pháp luật cần áp dụng nhằm điều chỉnh quan hệ xã hội được nêu trong phần phạm vi (phần quy định quy tắc xác định hệ thống pháp luật áp dụng).

3.3. *Phân loại quy phạm pháp luật xung đột*

- Căn cứ vào hình thức dẫn chiếu
- Căn cứ vào tính chất của quy phạm pháp luật xung đột
- Căn cứ vào phạm vi của quy phạm pháp luật xung đột
- Căn cứ vào nguyên tắc chọn luật được quy định trong phần hệ thuộc của quy phạm pháp luật xung đột

4. Một số kiểu hệ thuộc Luật cơ bản của Tư pháp quốc tế

Luật nhân thân (Lex Personalis).

- Nội dung
- Phạm vi áp dụng
- Hình thức của luật nhân thân
- Ngoại lệ
- Pháp luật VN có vận dụng hệ thuộc Luật nhân thân không? Vận dụng trong những quan hệ dân sự có YTNN cụ thể nào? Cơ sở pháp lý?

Luật nhân thân (Lex Personalis).

So sánh quy định của BLDS 2005 Điều
760-764 và quy định từ Điều 672 –
675 BLDS 2015

Luật quốc tịch của pháp nhân (Lex Societatis).

- Nội dung
- Phạm vi áp dụng
- Nguyên tắc xác định quốc tịch của Pháp nhân
- Pháp luật VN có vận dụng hệ thuộc Luật này không? Vận dụng trong những quan hệ dân sự có YTNN cụ thể nào? Cơ sở pháp lý?

Luật quốc tịch của pháp nhân (Lex Societatis).

So sánh quy định của BLDS 2005 Điều 765 và quy định tại Điều 676 BLDS 2015

Luật nơi có tài sản: (Lex rei sitae).

- Nội dung
- Phạm vi áp dụng
- Ngoại lệ
- Pháp luật VN có vận dụng hệ thuộc Luật nơi có tài sản không? Vận dụng trong những quan hệ dân sự có YTNN cụ thể nào? Cơ sở pháp lý?

Luật nơi có tài sản: (Lex rei sitae).

So sánh quy định của BLDS 2005 Điều
766 và quy định tại Điều 677,
678, 679 BLDS 2015

Luật nơi ký kết hợp đồng (Lex loci contractus).

- Nội dung
- Phạm vi áp dụng
- Pháp luật VN có vận dụng hệ thuộc Luật nơi ký kết hợp đồng không? Vận dụng trong những quan hệ dân sự có YTNN cụ thể nào? Cơ sở pháp lý?

Luật nơi thực hiện nghĩa vụ (Lex loci solutionis).

- Nội dung
- Phạm vi áp dụng
- Pháp luật VN có vận dụng hệ thuộc Luật này không? Vận dụng trong những quan hệ dân sự có YTNN cụ thể nào? Cơ sở pháp lý?

Luật nơi vi phạm pháp luật (Lex loci delicti commissi).

- Nội dung
- Phạm vi áp dụng
- Pháp luật VN có vận dụng hệ thuộc Luật này không? Vận dụng trong những quan hệ dân sự có YTNN cụ thể nào? Cơ sở pháp lý?

Luật nơi kết hôn (Lex loci celebrationis).

- Nội dung
- Phạm vi áp dụng
- Pháp luật VN có vận dụng hệ thuộc Luật này không? Cơ sở pháp lý?

Luật lựa chọn (Lex voluntatis).

- Nội dung
- Phạm vi áp dụng
- Điều kiện áp dụng
- Pháp luật VN có vận dụng hệ thuộc Luật lựa chọn không? Vận dụng trong những quan hệ dân sự có YTNN cụ thể nào? Cơ sở pháp lý?

Luật lựa chọn (Lex voluntatis).

So sánh quy định của BLDS
2005 và BLDS năm 2015

Luật tòa án (Lex fori)

- Nội dung
- Phạm vi áp dụng:
 - Pháp luật tố tụng
 - Pháp luật thực định
 - Choice of Law
- Pháp luật VN có vận dụng hệ thuộc Luật tòa án không?
Vận dụng trong những quan hệ cụ thể nào Cơ sở pháp lý?

Bài 3:

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

NƯỚC NGOÀI

TS. LÊ THỊ NAM GIANG
www.giangle.edu.vn





Đề cương bài giảng

- 1. Khái quát về áp dụng pháp luật nước ngoài**
- 2. Một số vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình áp dụng pháp luật nước ngoài**



Văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ luật dân sự VN 2015, phần V.
2. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 481
3. Nghị định 138/CP ngày 15/11/2006 quy định chi tiết thi hành các quy định của BLDS về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.
4. 3. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, 2014.
5. Bộ luật Hàng hải VN 2005, Điều 3, Điều 4.



Văn bản quy phạm pháp luật

5. Luật Hàng không dân dụng 2006, Điều 4.
6. Luật Thương mại 2005, Điều 5.
7. Luật Đầu tư 2015.
8. Hiệp định TTTP giữa nước CHXHCN Việt Nam và các nhà nước nước ngoài.

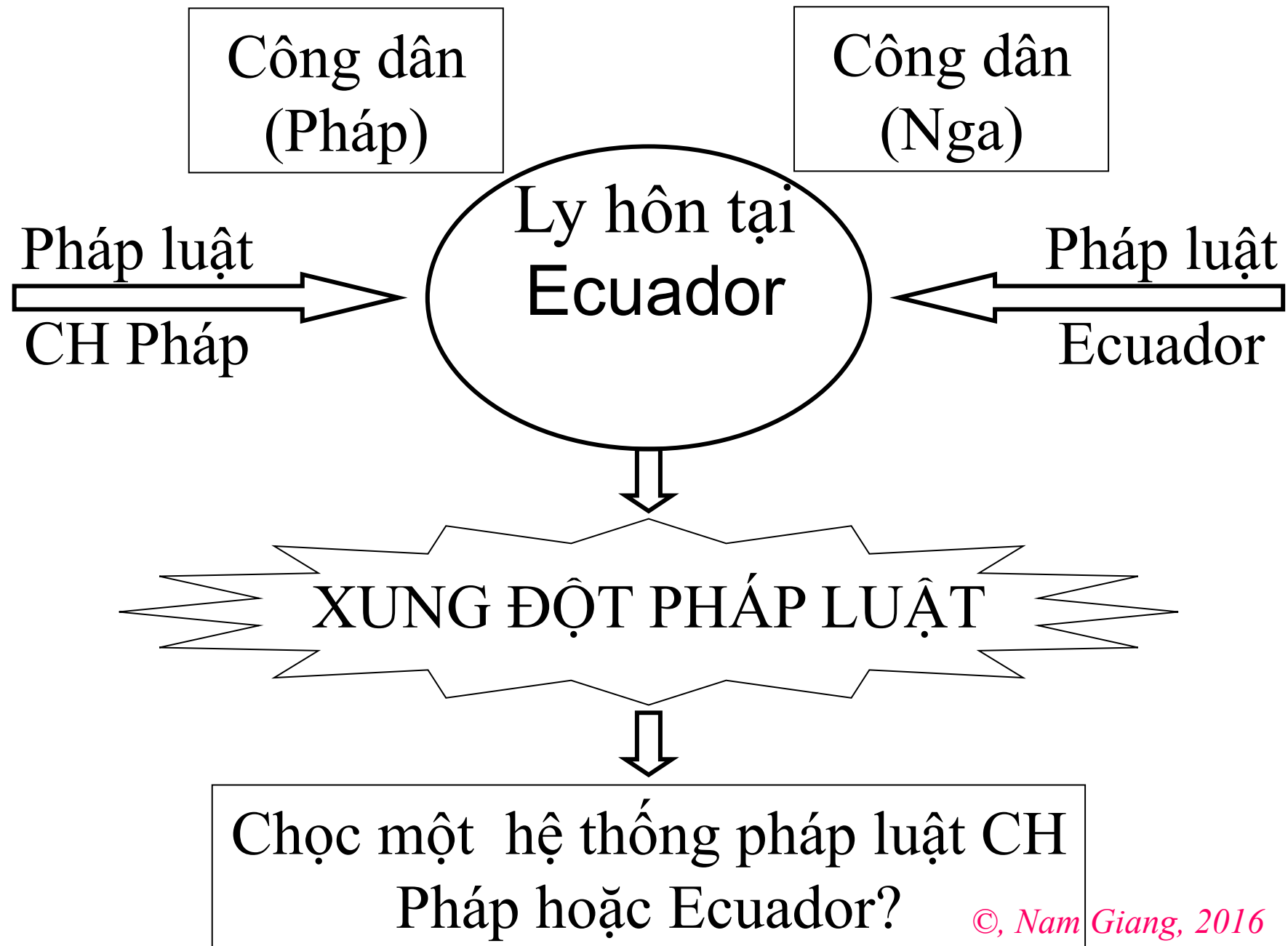


1. KHÁI QUÁT VỀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI

1. Khái quát về áp dụng pháp luật nước ngoài

Sự cần thiết áp dụng pháp luật nước ngoài





.1. Khái quát về áp dụng pháp luật nước ngoài

Trường hợp áp dụng pháp luật nước ngoài?



1. Khái quát về áp dụng pháp luật nước ngoài

Điều kiện để pháp luật nước ngoài được áp dụng nhằm điều chỉnh quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam



BLDS 2015: Điều 667. Áp dụng PLNN

Trường hợp pháp luật nước ngoài được áp dụng nhưng có cách hiểu khác nhau thì việc áp dụng phải theo sự giải thích của cơ quan có thẩm quyền tại nước đó.

BLDS 2015: Điều 670. Trường hợp không áp dụng PLNN

PLNN không được áp dụng trong trường hợp :

a) Hậu quả của việc áp dụng PLNN trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam;

b) Nội dung của PLNN không xác định được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng.

➔ pháp luật Việt Nam được áp dụng.

Bộ luật Hàng hải 2005 - Điều 4

Trong trường hợp Bộ luật này có quy định hoặc các bên có thoả thuận trong hợp đồng, luật nước ngoài có thể áp dụng tại Việt Nam đối với các quan hệ hợp đồng liên quan đến hoạt động hàng hải, nếu luật nước ngoài không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Luật Thương mại 2005 – Điều 5

1. Trường hợp ĐUQT mà CHXHCNVN là thành viên có quy định áp dụng PLNN, TQTMQT hoặc có quy định khác với Luật này thì áp dụng quy định của ĐUQT đó.

2. Các bên trong giao dịch thương mại có yếu tố nước ngoài được thoả thuận áp dụng PLNN, TQTMQT nếu PLNN, TQTMQT không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Luật HN&GD 2014 – Điều 122

... 2. Trong trường hợp Luật này, các văn bản pháp luật khác của Việt Nam có dẫn chiếu về việc áp PLNN thì PLNN được áp dụng, nếu việc áp dụng đó không trái với các nguyên tắc cơ bản được quy định tại Điều 2 của Luật này.

Trong trường hợp PLNN dẫn chiếu trở lại pháp luật Việt Nam thì áp dụng pháp luật về HN&GD Việt Nam.

3. Trong trường hợp ĐUQT mà Việt Nam là thành viên có dẫn chiếu về việc áp dụng PLNN thì PLNN được áp dụng.

Luật đầu tư 2014 – Điều 4(4)

4. Đối với hợp đồng trong đó có ít nhất một bên tham gia là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này, các bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng việc áp dụng PLNN hoặc tập quán đầu tư quốc tế nếu thỏa thuận đó không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Cách thức xác định nội dung pháp luật nước ngoài

Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 – Điều 481

Trường hợp TAVN áp dụng PLNN để giải quyết VVDS có YTNN theo quy định của luật Việt Nam, ĐUQT mà Việt Nam là thành viên thì trách nhiệm xác định và cung cấp PLNN được thực hiện như sau:

1. Trường hợp đương sự được quyền lựa chọn pháp luật áp dụng là PLNN và đã lựa chọn áp dụng PLNN đó thì có nghĩa vụ cung cấp PLNN đó cho Tòa án đang giải quyết VVDS. Các đương sự chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp của PLNN đã cung cấp.

2. Cách thức xác định nội dung pháp luật nước ngoài

Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 – Điều 481

2. Trường hợp luật của VN, ĐUQT mà Việt Nam là thành viên quy định phải áp dụng PLNN → đương sự có quyền cung cấp PLNN cho Tòa án hoặc Tòa án yêu cầu BTP, Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện của VN ở nước ngoài cung cấp PLNN;
3. Tòa án có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn về PLNN cung cấp thông tin về PLNN ;
4. Hết thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Tòa án yêu cầu cung cấp PLNN theo quy định tại Điều này mà không có kết quả thì Tòa án áp dụng pháp luật của Việt Nam để giải quyết vụ việc dân sự đó.

2. Một số vấn đề pháp lý phát sinh khi ADPLNN

2.1. Bảo lưu trật tự công

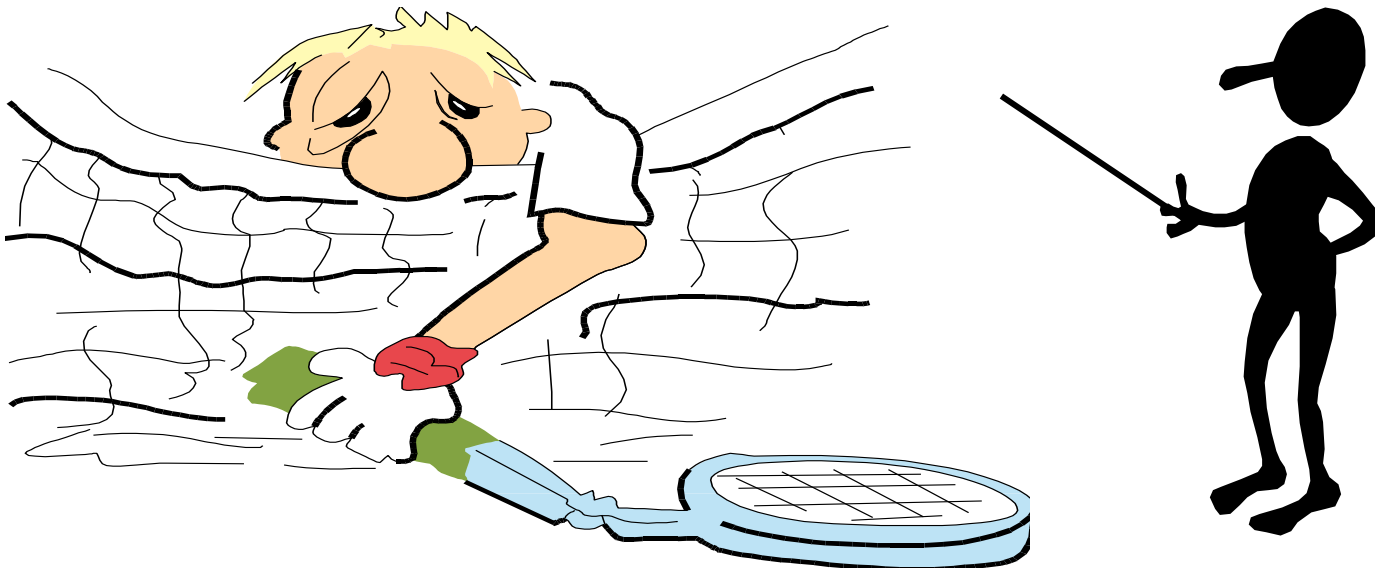
- Khái niệm
- Quan điểm của Việt Nam
- Cơ sở pháp lý
- Nguyên tắc áp dụng

2.2. Renvoi I và Renvoi II

- Khái niệm Renvoi I, Renvoi II
- Cơ sở pháp lý
- Nguyên nhân?
- Quan điểm: 3
 - Không thừa nhận
 - Thừa nhận một phần
 - Thừa nhận toàn bộ

2.2. Renvoi I và Renvoi II

- Có nên thừa nhận không?
- Pháp luật Việt Nam có thừa nhận không?



2.2. Renvoi I và Renvoi II

- Pháp luật Việt Nam : Điều Điều 759 BLDS năm 2005 BLDS 2005

2.2. Renvoi I và Renvoi II

BLDS 2015 Điều 668

1. Pháp luật được dẫn chiếu đến bao gồm quy định về xác định pháp luật áp dụng và quy định về quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ dân sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
2. Trường hợp dẫn chiếu đến pháp luật Việt Nam → quy định của pháp luật Việt Nam về quyền, nghĩa vụ của các bên được áp dụng.
3. Trường hợp dẫn chiếu đến pháp luật của nước thứ ba → quy định của pháp luật nước thứ ba về quyền, nghĩa vụ của các bên được áp dụng.
4. Trường hợp các bên chọn luật áp dụng → không chấp nhận dẫn chiếu

CÂU HỎI



Bài 4

THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN QUỐC GIA ĐỐI VỚI VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

TS. LÊ THỊ NAM GIANG

www.giangle.edu.vn

©, Nam Giang, 1997-2016

ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG

1. Khái niệm thẩm quyền của TAQG đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài
2. Thẩm quyền của tòa án Việt Nam đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài
3. Pháp luật áp dụng trong giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài

Văn bản pháp luật

1. Bộ luật tổ tụng dân sự nước CHXHCN VN năm 2015. Phần thứ 8.
3. Hiệp định tương trợ tư pháp giữa nước CHXHCN Việt Nam và các nhà nước nước ngoài.

1. Khái quát về thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài

1. Khái quát về thẩm quyền của TAQG...

Vụ việc dân sự có YTNN:

- Vụ việc dân sự
- **Vụ việc dân sự có YTNN: Điều 464 BLTTDS**

“Vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài:

a) Có ít nhất một trong các bên tham gia là cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài;

b) Các bên tham gia đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam nhưng việc xác lập, thay đổi, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ đó xảy ra tại nước ngoài;

Các bên tham gia đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam nhưng đối tượng của quan hệ dân sự đó ở nước ngoài.

©, Nam Giang, 1997-2016

1. Khái quát về thẩm quyền của TAQG...

- Tại sao cần xác định thẩm quyền của TAGQ?

VỤ ÁN 1

VỤ ÁN 2

VỤ ÁN 3

1. Khái quát về thẩm quyền của TAQG...

Ý nghĩa của việc xác định thẩm quyền của TAQG đối với vụ việc dân sự

1. Khái quát về thẩm quyền của TAQG...

Nguyên tắc xác định

Bước 1: Xác định vụ việc thuộc thẩm quyền của TAQG mình hay hay không? – Tư pháp quốc tế

Bước 2: xác định vụ việc thuộc thẩm quyền của TA cụ thể nào trong hệ thống TAQG (thẩm quyền theo cấp, theo vụ việc, theo lãnh thổ...) – Pháp luật tổ tụng trong nước.

Cơ sở pháp lý:

- ĐUQT
- Pháp luật quốc gia

1. Khái quát về thẩm quyền của TAQG...

Điều 469 BLTTDS 2015

“Sau khi xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam theo quy định của Chương này, Tòa án áp dụng các quy định tại Chương III của Bộ luật này để xác định thẩm quyền của Tòa án cụ thể giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài”.

1. Khái quát về thẩm quyền của TAQG...

- Xung đột thẩm quyền

Là hiện tượng toà án của hai hay nhiều quốc gia cùng có thẩm quyền đối với một vụ việc dân sự có YTNN cụ thể.

1. Khái quát về thẩm quyền của TAQG...

Phân biệt bản chất của hiện tượng XĐPL và hiện tượng XĐ thẩm quyền.

Giải quyết xung đột thẩm quyền:

2. Thẩm quyền của Tòa án VN đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài

2.1. Nguyên tắc xác định thẩm quyền

Nguyên tắc:

BLTTDS- Điều 469(2)

Sau khi xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam theo quy định của Chương này, Tòa án áp dụng các quy định tại Chương III của Bộ luật này để xác định thẩm quyền của Tòa án cụ thể giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

2.1. Nguyên tắc xác định thẩm quyền

BLTTDS- Điều 2(3)

BLTTDS được áp dụng đối với việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài; trường hợp ĐUQT mà CHXHCNVN ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì áp dụng quy định của ĐUQT đó.

2.2. Xác định thẩm quyền của TAVN theo các HĐTTTP

Hai phương pháp:

- **Chỉ quy định quy tắc chung:**
HĐTTTP VN- TQ; VN- UCRAINA,
- Quy định quy tắc xác định đối với từng loại vụ việc dân sự có YTNN cụ thể:
HĐTTTP VN- NGA, VN-MC...

2.3. Xác định thẩm quyền của TAVN đối với vụ việc dân sự có YTNN theo PLVN

1. Thẩm quyền chung: Điều [469](#) BLTTDS
2. Thẩm quyền riêng biệt: Điều [470](#) BLTTDS

2.3. Xác định thẩm quyền của TAVN đối với vụ việc dân sự có YTNN theo PLVN

Điều 469. Thẩm quyền chung

- a) Bị đơn là cá nhân cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam;
- b) Bị đơn là cơ quan, tổ chức có trụ sở tại Việt Nam hoặc bị đơn là cơ quan, tổ chức có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam đối với các vụ việc liên quan đến hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan, tổ chức đó tại Việt Nam;

2.3. Xác định thẩm quyền của TAVN đối với vụ việc dân sự có YTNN theo PLVN

Điều 469. Thẩm quyền chung

- c) Bị đơn có tài sản trên lãnh thổ Việt Nam;
- d) Vụ việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam hoặc các đương sự là người nước ngoài cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam;
- đ) Vụ việc về quan hệ dân sự mà việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó xảy ra ở Việt Nam, đối tượng của quan hệ đó là tài sản trên lãnh thổ Việt Nam hoặc công việc được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam;

2.3. Xác định thẩm quyền của TAVN đối với vụ việc dân sự có YTNN theo PLVN

Điều 469. Thẩm quyền chung

e) Vụ việc về quan hệ dân sự mà việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó xảy ra ở ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc có trụ sở, nơi cư trú tại Việt Nam.

2.3. Xác định thẩm quyền của TAVN đối với vụ việc dân sự có YTNN theo PLVN

Điều 470. Thẩm quyền riêng

- a) Vụ án dân sự đó có liên quan đến quyền đối với tài sản là bất động sản có trên lãnh thổ Việt Nam;
- b) Vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài hoặc người không quốc tịch, nếu cả hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam;
- c) Vụ án dân sự khác mà các bên được lựa chọn Tòa án Việt Nam để giải quyết theo pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên và các bên đồng ý lựa chọn Tòa án Việt Nam.

2.3. Xác định thẩm quyền của TAVN đối với vụ việc dân sự có YTNN theo PLVN

Điều 470. Thẩm quyền riêng

- a. Các yêu cầu không có tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật dân sự quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Yêu cầu xác định một sự kiện pháp lý xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam;
- c) Tuyên bố công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú tại Việt Nam bị mất tích, đã chết nếu việc tuyên bố đó có liên quan đến việc xác lập quyền, nghĩa vụ của họ trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp ĐUQT mà CHXHCN Việt Nam là thành viên có quy định khác;

2.3. Xác định thẩm quyền của TAVN đối với vụ việc dân sự có YTNN theo PLVN

Điều 470. Thẩm quyền riêng

d) Tuyên bố người nước ngoài cư trú tại Việt Nam bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất năng lực hành vi dân sự nếu việc tuyên bố đó có liên quan đến việc xác lập quyền, nghĩa vụ của họ trên lãnh thổ Việt Nam;

đ) Công nhận tài sản có trên lãnh thổ Việt Nam là vô chủ, công nhận quyền sở hữu của người đang quản lý đối với tài sản vô chủ trên lãnh thổ Việt Nam.

2.3. Xác định thẩm quyền của TAVN đối với vụ việc dân sự có YTNN theo PLVN

Một số vấn đề:

- Vụ án liên quan đến nhà nước nước ngoài
- Vụ án liên quan đến những người được hưởng quy chế ngoại giao và lãnh sự
- Thẩm quyền theo thoả thuận: chọn TAVN hoặc chọn TANN
- Thẩm quyền trong trường hợp có thoả thuận trọng tài
- Thẩm quyền vụ việc đã được TA nước ngoài thụ lý hoặc giải quyết.

3. PHÁP LUẬT ÁP DỤNG

3. PHÁP LUẬT ÁP DỤNG

- Pháp luật tố tụng
- Pháp luật nội dung
- Choice of Law

CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ CỦA TANN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TTNN

TS. LÊ THỊ NAM GIANG

www.giangle.edu.vn

Đề cương bài giảng

1. Khái niệm
2. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TÁNN
3. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TTNN

1, Khái niệm ...

Vụ án 1

Vụ án 2

1. Khái niệm

Khái niệm công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TANN

Là việc TA của một nước thừa nhận bản án, quyết định dân sự đã có hiệu lực pháp luật của TANN như bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TA trong nước và cho phép thi hành trên lãnh thổ nước mình bản án, quyết định của TANN đó.

1. Khái niệm

Khái niệm công nhận và cho thi hành quyết định của TTNN

Là việc TA của một nước thừa nhận quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TTNN như bản án đã có hiệu lực của TA trong nước và cho phép thi hành trên lãnh thổ nước mình quyết định của TTNN đó.

1. Khái niệm

- Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn?
- Các vấn đề cần lưu ý?

**Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của
TANN theo pháp luật một số Quốc gia**

- Hệ thống Exequature
- Liên minh Châu Âu
- Hệ thống Common Law

2. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TANN tại Việt Nam

2. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TANN tại Việt Nam

Phạm vi bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài Điều 423 BLTTDS năm 2015:

- I- Bản án, quyết định về dân sự, HN&GĐ, kinh doanh, thương mại, lao động, quyết định về tài sản trong bản án, quyết định hình sự, hành chính của Tòa án nước ngoài;
- Quyết định về nhân thân, HN&GĐ của cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài.

2. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TANN tại Việt Nam

Cơ sở pháp lý:

- điều ước quốc tế có quy định về vấn đề này hoặc
- trên cơ sở pháp luật Việt Nam hoặc
- theo nguyên tắc có đi có lại

2. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TANN tại Việt Nam

- **Đương nhiên công nhận:**
 - BAQDTANN, QĐ của cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam và không có đơn yêu cầu không công nhận tại Việt Nam được quy định tại ĐUQT mà Việt Nam là thành viên.
 - Bản án, quyết định về HN&GĐ của Tòa án nước ngoài, quyết định về HN&GĐ của cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài mà nước đó và chưa cùng là thành viên của ĐUQT không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam và không có đơn yêu cầu không công nhận tại Việt Nam.

2. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TANN tại Việt Nam

Trường hợp không công nhận và cho thi hành tại VN bản án, quyết định của TANN

1. Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện để được công nhận quy định tại ĐU'QT Việt Nam là thành viên.

2. Bản án, quyết định dân sự chưa có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật của nước có Tòa án đã ra bản án, quyết định đó.

2. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TANN tại Việt Nam

Trường hợp không công nhận và cho thi hành tại VN bản án, quyết định của TANN

3. Người phải thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của người đó đã vắng mặt tại phiên tòa của Tòa án nước ngoài do không được triệu tập hợp lệ hoặc văn bản của Tòa án nước ngoài không được tổng đạt cho họ trong một thời hạn hợp lý theo quy định của pháp luật của nước có Tòa án nước ngoài đó để họ thực hiện quyền tự bảo vệ.

2. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TANN tại Việt Nam

Trường hợp không công nhận và cho thi hành tại VN bản án, quyết định của TANN

4. Tòa án nước đã ra bản án, quyết định không có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự đó theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật này.

5. Vụ việc dân sự này đã có bản án, quyết định dân sự đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án Việt Nam hoặc trước khi cơ quan xét xử của nước ngoài thụ lý vụ việc, Tòa án Việt Nam đã thụ lý và đang giải quyết vụ việc hoặc đã có bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước thứ ba đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành.

2. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TANN tại Việt Nam

Trường hợp không công nhận và cho thi hành tại VN bản án, quyết định của TANN

6. Đã hết thời hiệu thi hành án theo pháp luật của nước có Tòa án đã ra bản án, quyết định dân sự đó hoặc theo pháp luật thi hành án dân sự của Việt Nam.

7. Việc thi hành bản án, quyết định đã bị hủy bỏ hoặc đình chỉ thi hành tại nước có Tòa án đã ra bản án, quyết định đó.

2. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TANN tại Việt Nam

Trường hợp không công nhận và cho thi hành tại VN bản án, quyết định của TANN

8. Việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài tại Việt Nam trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

2. Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của TANN tại Việt Nam

Thủ tục xét đơn yêu cầu không công nhận

3. Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

3.1. Công ước Newyork 1958

- Phạm vi áp dụng CU: _
- Nghĩa vụ công nhận hiệu lực pháp lý của thoả thuận trọng tài và thẩm quyền của trọng tài được lựa chọn.
- Hồ sơ bắt buộc
- Các trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài.

3.2. Công nhận và cho thi hành quyết định của TTNN theo PLVN

Nguyên tắc công nhận và cho thi hành (điều 343 BLTTDS) – so sánh với Điều 424 BLTTDS 2015

Chủ thể có quyền yêu cầu

Thủ tục xét đơn yêu cầu

3.2. Công nhận và cho thi hành quyết định của TTNN theo PLVN

Phân tích các trường hợp không công nhận và cho thi hành tại VN quyết định của TTNN

- So sánh quy định tại Điều 370 BLTTDS 2004 và Điều 459 BLTTDS 2015

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

QUYỀN SỞ HỮU TRONG TPQT

TS. LÊ THỊ NAM GIANG

©, *Nam Giang*, 1997-2016

Đề cương bài giảng

1. Khái niệm quyền sở hữu trong TPQT
2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu
3. Quy định của pháp luật Việt Nam về quyền sở hữu của người nước ngoài, của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đối với tài sản tại Việt Nam

Văn bản pháp luật

1. Bộ luật Dân sự 2005 (Điều 758 và Điều 766)
2. Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 677, 678 và Điều 679)
3. Bộ luật Hàng Hải 2005
4. Luật đầu tư 2014
5. Nghị định 138/CP ngày 15/11/2006
6. Các Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và các nước

1. Khái niệm

- Quan hệ sở hữu có yếu tố nước ngoài. Cơ sở xác định: Điều 758 BLDS – so sánh BLDS 2015
- Nội dung nghiên cứu của TPQT về quyền sở hữu: so sánh Luật Dân sự

2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu

2.1. Khái niệm

- Khái niệm xung đột pháp luật về quyền sở hữu
- Các quan hệ sở hữu có thể phát sinh hiện tượng xung đột pháp luật
- Phương pháp giải quyết xung đột pháp luật về QSH:
 - + phương pháp xung đột
 - + phương pháp thực chất

2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu

2.2. Nguyên tắc chung

Nguyên tắc “ Luật nơi có tài sản ” (Lex rei sitae)

Vai trò quan trọng:

1. Quy định về điều kiện phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền sở hữu, nội dung quyền sở hữu.

2.2. Nguyên tắc chung

- Vấn đề dịch chuyển tài sản từ quốc gia này đến quốc gia khác?

2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu

2.2. Nguyên tắc chung

Góc so sánh:

Pháp luật các nước: 2 quan điểm:

1. Luật nơi có tài sản áp dụng đối với quan hệ sở hữu tài sản bao gồm động sản và bất động sản

2. Phân chia tài sản:

- Quan hệ sở hữu đối với động sản: Luật nhân thân của chủ sở hữu
- Quan hệ sở hữu đối với bất động sản: Luật nơi có bất động sản.

2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu

2.2. Nguyên tắc chung

Nguyên tắc “Luật nơi có tài sản” (Lex rei sitae)

Vai trò quan trọng:

2. Được áp dụng nhằm giải quyết xung đột pháp luật về định danh tài sản.

2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu

2.3. Các trường hợp ngoại lệ

- Tài sản trí tuệ
- QSH trong lĩnh vực hàng không dân dụng
- QSH trong lĩnh vực hàng hải
- QSH của quốc gia
- QSH của pháp nhân khi bị chấm dứt hoạt động ở nước ngoài

2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu

2.3. Các trường hợp ngoại lệ

Tài sản đang trên đường vận chuyển^{???}

3. Quy Định của pháp luật Việt Nam về QSH của NNN

Hiến pháp nước CHXHCNVN

BLDS, luật Đầu tư: nguyên tắc NT và Nguyên tắc MFN

- Đối với động sản
- Đối với bất động sản

HỢP ĐỒNG

TS. LÊ THỊ NAM GIANG

www.giangle.edu.vn

Đề cương bài giảng

1. Khái quát về hợp đồng trong tư pháp quốc tế.
2. Giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng.



Văn bản pháp luật

1. BLDS 2015, Phần thứ V
2. Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (Điều 67, 68, 69)
3. Tập quán Incoterms 2010
4. Bộ luật Hàng hải (Đ3, 4)
5. Luật Hàng không dân dụng (Điều 4)



1. Hợp đồng trong Tư pháp quốc tế

1.1 Khái quát về hợp đồng trong Tư pháp quốc tế

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

1.1 Khái niệm

- *Hợp đồng dân sự có yếu tố nước ngoài*
- *Phân nhóm hợp đồng có yếu tố nước ngoài:*

3 nhóm cơ bản:

- *Hợp đồng thương mại quốc tế*
- *Hợp đồng dân sự có yếu tố nước ngoài*
- *Hợp đồng lao động có yếu tố nước ngoài*

Ý nghĩa của việc xác định yếu tố nước ngoài trong quan hệ hợp đồng

1.1 Khái niệm

**Phân biệt nội dung nghiên cứu của TPQT và
LDS, Luật TMQT về hợp đồng**

1.2. Giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng

1.2.1. Khái niệm xung đột pháp luật hợp đồng

- *Khái niệm*
- *Phương pháp giải quyết:*
 - + *Phương pháp xung đột*
 - + *Phương pháp thực chất*
- *Nguồn luật điều chỉnh:*

1.2.2. Giải quyết xung đột pháp luật về tư cách chủ thể của các bên

Tư cách chủ thể:

- NLHVDS
- Thẩm quyền ký kết
- NLHVDS của cá nhân:
 - + Luật quốc tịch
 - + Luật nơi cư trú
- NLPLDS của pháp nhân: Luật QT của PN
- Pháp luật VN- so sánh

Lưu ý: Đối với người không quốc tịch hoặc có từ 2 quốc tịch

1.2.3. Giải quyết xung đột pháp luật về hình thức của hợp đồng

- *Hình thức hợp đồng*
- *Luật nơi giao kết hợp đồng*
- *Pháp luật VN: Điều 770 BLDS 2005 – so sánh Điều 683 BLDS 2015*
- *HĐTTTP*

1.2.4. Giải quyết XĐPL về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng

Luật lựa chọn

- Điều kiện có hiệu lực
- Nguồn luật được chọn
- Thời điểm chọn luật
- Ý nghĩa của nguyên tắc chọn luật áp dụng
- Mối quan hệ giữa vấn đề chọn luật áp dụng và chọn TA có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

1.2.4. Giải quyết XĐPL về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng

Trường hợp không chọn luật áp dụng

- Luật nơi giao kết hợp đồng;
- Luật có mối quan hệ gắn bó nhất với hợp đồng;
- Luật nơi thực hiện hợp đồng;
- Luật của nước người bán;
-

1.2.4. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các bên

- *HĐTTTP*
- *Pháp luật Việt Nam: So sánh quy định của BLDS 2005 và BLDS 2015*

1.2.5. Giải quyết XĐPL về thời điểm chuyển quyền sở hữu và chuyển dịch rủi ro ...

a. Giải quyết XĐPL về thời điểm chuyển quyền sở hữu

- Pháp luật quốc gia

1.2.5. Giải quyết XĐPL về thời điểm chuyển quyền sở hữu và chuyển dịch rủi ro trong...

b. Giải quyết XĐPL về thời điểm chuyển dịch rủi ro

Công ước Viên 1980:

- Điều 67
- Điều 68
- Điều 69

Tập quán Incoterms

Pháp luật quốc gia

1.2.5 Giải quyết XDPL về thời điểm chuyển quyền sở hữu và chuyển dịch rủi ro

- Pháp luật Việt Nam?

**SO SÁNH CÁC QUY ĐỊNH TRONG PHẦN 7 BLDS
2005 VÀ PHẦN 5 BLDS 2015**

2. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG TRONG TPQT

2.1. Khái niệm

- Quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài
- Căn cứ xác định YTNN: Điều 663 BLDS 2015– Đặc thù?

2.1. Khái niệm

Phạm vi nghiên cứu của TPQT về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài:

- Xác định thẩm quyền của TAQG
- Xác định pháp luật áp dụng: pháp luật quốc gia, Điều ước quốc tế
- Công nhận và cho thi hành bản án quyết định dân sự của TANN.

2.2. Giải quyết xung đột pháp luật về BTTH ngoài hợp đồng

2.2.1. Khái niệm

- Khái niệm
- Phương pháp giải quyết

2.2.2 Giải quyết XĐPL về BTTH ngoài hợp đồng theo pháp luật một số nước

- Luật nơi xảy ra hành vi vi phạm pháp luật
- Luật nơi phát sinh hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật
- Luật do các bên thỏa thuận lựa chọn
- Kết hợp

2.2.3 Giải quyết XĐPL về BTTH ngoài hợp đồng theo pháp luật VN

Phân tích Điều 687 BLDS 2015

2.2.3 Giải quyết XĐPL về BTTH ngoài hợp đồng theo pháp luật VN

HĐTTTP:

Pháp luật của bên ký kết nơi xảy ra hành vi vi phạm

- Pháp luật của bên ký kết mà hai bên mang quốc tịch

CÂU HỎI

THỪA KẾ TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ

TS. LÊ THỊ NAM GIANG

www.giangle.edu.vn

www.tuphapquocte.vn

©, Nam Giang, 1997-2016

Đề cương bài giảng.

1. Khái niệm thừa kế trong TPQT.
2. Giải quyết xung đột về thừa kế.
3. Vấn đề “di sản không người thừa kế” trong Tư pháp quốc tế

1. Khái niệm

- Quan hệ thừa kế có yếu tố nước ngoài
- Cơ sở pháp lý: Điều 663 BLDS 2015

1. Khái niệm

Quan hệ thừa kế có yếu tố nước ngoài- Phạm vi nghiên cứu:

- Xác định thẩm quyền của TAQG đối với các vụ việc về thừa kế có yếu tố nước ngoài
- Xác định hệ thống pháp luật cần áp dụng nhằm giải quyết các vụ việc về thừa kế có yếu tố nước ngoài
- Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài về các vụ việc về thừa kế có yếu tố nước ngoài

2. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế

2.1. Khái niệm XĐPL về thừa kế

- Khái niệm xung đột pháp luật về thừa kế
- Quan hệ thừa kế có XĐPL:
 - Thừa kế theo di chúc: năng lực lập, thay đổi, hủy bỏ di chúc, hình thức di chúc.
 - Nội dung di chúc?
 - Thừa kế theo pháp luật: hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế, cách phân chia, quản lý di sản thừa kế..

2.2 Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo các HĐTTTP giữa VN và các nước

- Nguyên tắc: bình đẳng giữa công dân các bên ký kết. Công dân nước ký kết này được hưởng tài sản và các quyền khác trên lãnh thổ của bên ký kết kia do thừa kế theo di chúc hoặc theo luật. Công dân của bên ký kết này có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình có ở trên lãnh thổ của bên ký kết kia.

(Điều 38 HĐTTTP giữa VN và Liên bang Nga, Điều 35 HĐTTTP Việt Nam và CHDCND Lào; Điều 33 HĐTTTP giữa Việt Nam và Mông Cổ).

2.2 Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế tại theo các HĐTTTP giữa VN và các nước

- Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo di chúc
- Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo pháp luật

2.3 Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo pháp luật Việt Nam

- Điều 678 Bộ luật dân sự 2015:
- So sánh với pháp luật các nước:
- Một chế định thừa kế (không chia di sản thành động sản và bất động sản)
- Hai chế định thừa kế (chia di sản thành động sản và bất động sản)

3. Giải quyết vấn đề di sản không người thừa kế

3.1. Theo pháp luật các nước

- Tư cách hưởng thừa kế
- + Thừa kế dân sự
- + Chiếm hữu tài sản

3. Giải quyết vấn đề di sản không người thừa kế

3.2. Theo các HĐTTTP

Thừa kế dân sự:

- + Động sản
- + Bất động sản
- + Định danh tài sản

3. Giải quyết vấn đề di sản không người thừa kế

3.3. Theo pháp luật Việt Nam

Thừa kế dân sự:

- + Động sản
- + Bất động sản
- + Định danh tài sản

**SO SÁNH CÁC QUY ĐỊNH TRONG PHẦN 7 BLDS
2005 VÀ PHẦN 5 BLDS 2015 VỀ GIẢI QUYẾT
XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT TRONG QUAN HỆ
THỪA KẾ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

HỒN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG TPQT

TS. LÊ THỊ NAM GIANG

www.giangle.edu.vn

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Luật hôn nhân và gia đình CHXHCN VN 2014
2. Luật nuôi con nuôi 2010
3. Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình
4. Thông tư số 2a/2015/TT-BTP hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
5. Hiệp định TTTP

Đề cương bài giảng

1. Khái niệm
2. Giải quyết XĐPL về kết hôn
3. Giải quyết XĐPL về ly hôn
4. Nuôi con nuôi có YTNN

1. Khái niệm

- Quan hệ hôn nhân và gia đình có YTNN
- Cơ sở pháp lý:

Nội dung nghiên cứu của Tư pháp quốc tế về quan hệ hôn nhân và gia đình có YTNN

1. Khái niệm

- Quan hệ hôn nhân và gia đình có YTNN

Lưu ý:

Người Việt Nam định cư ở nước ngoài

Người Việt Nam tạm trú ở nước ngoài

-

Nội dung nghiên cứu của TPQT về quan hệ hôn nhân và gia đình có YTNN

1. Xác định thẩm quyền của các cơ quan hành chính trong việc đăng ký kết hôn, cho nhận con nuôi
2. Xác định thẩm quyền của TAQG đối với vụ việc về quan hệ HN&GD có YTNN (Điều 410, 411)
3. Xác định pháp luật áp dụng nhằm điều chỉnh quan hệ HN&GD có YTNN: ĐƯQT, PLQG
4. Công nhận và cho thi hành BA, QĐDS của TANN về vụ việc HN&GD có YTNN

1. Khái niệm

- **Các quan hệ HN&GD có thể phát sinh XDPL:**
 - Kết hôn
 - Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng
 - Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con
 - Ly hôn
 - Nuôi con nuôi

2. Giải quyết XĐPL về kết hôn theo HĐTTTP và theo PLVN

2.1 . Điều kiện kết hôn

Theo các HĐTTTP:

- Luật quốc tịch áp dụng kết hợp với Luật nơi tiến hành kết hôn

2. Giải quyết XĐPL về kết hôn theo HĐTTTP và theo PLVN

2.1 . Điều kiện kết hôn

Theo pháp luật VN: Điều 126 Luật HN&GD,

Lưu ý:

Kết hôn giữa công dân VN và người nước ngoài:

- + Kết hôn tại VN
- + Kết hôn tại nước ngoài
- Kết hôn giữa công dân VN với nhau tại nước ngoài

Kết hôn giữa người nước ngoài thường trú tại VN

2. *Giải quyết XĐPL về kết hôn theo HĐTTTP và theo PLVN*

2.2 . *Nghi thức kết hôn*

Theo các HĐTTTP:

**Áp dụng pháp luật của nước nơi tiến hành
kết hôn**

3. Giải quyết XĐPL về ly hôn

3.1. Theo HĐTTTP

- Nếu hai vợ chồng có cùng quốc tịch: pháp luật của nước mà họ mang quốc tịch
- Nếu hai vợ chồng khác quốc tịch nhưng có nơi cư trú chung: pháp luật của nước nơi họ cư trú
- Nếu hai vợ chồng khác quốc tịch và không có nơi cư trú chung: pháp luật của nước có TA giải quyết ly hôn

3. Giải quyết XĐPL về ly hôn

3.1. Theo pháp luật Việt Nam

Điều 127 Luật HN&GD

- Ly hôn giữa công dân VN và người nước ngoài, giữa người nước ngoài thường trú tại VN: Luật HN&GD VN.
- Trong trường hợp bên là công dân VN không thường trú tại VN; pháp luật của nước nơi cư trú chung của vợ chồng, nếu không có nơi cư trú chung: pháp luật VN.
- Giải quyết tài sản là bất động sản: pháp luật của nước nơi có bất động sản

4. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo pháp luật VN

Điều 29 Luật nuôi con nuôi

- Điều kiện đối với người nhận nuôi
- Điều kiện đối với người được cho làm con nuôi
- Thủ tục cho nhận

XIN CẢM ƠN SỰ QUAN TÂM,
THEO DÕI



giangle.edu.vn

giangle@hcmulaw.edu.vn

lenamgiang@gmail.com

\0983877897